

**ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ I NĂM 2026**

(Kèm theo Văn bản số /STC-NS ngày 10/4/2026 của Sở Tài chính tỉnh Lào Cai)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện quý I	Thực hiện quý I so (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	4	5
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>23.500</b>	<b>5.355</b>	<b>22,8</b>	<b>115,4</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>21.100</b>	<b>4.759</b>	<b>22,6</b>	<b>119,5</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	2.745	1.122	40,9	189,4
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN	420	119	28,3	88,4
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3.950	1.486	37,6	183,7
4	Thuế thu nhập cá nhân	800	228	28,5	336,1
5	Thuế bảo vệ môi trường	278	76	27,3	112,1
6	Các loại phí, lệ phí	1.210	268	22,2	103,8
	<i>Trở: Lệ phí trước bạ</i>	600	146	24,4	116,3
7	Các khoản thu về nhà, đất	10.809	1.294	12,0	83,6
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>	0	0	27,4	
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	22	1	6,3	
-	<i>Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	190	61	32,2	87,7
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	10.594	1.231	11,6	83,3
-	<i>Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN</i>	3	0	7,2	
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển	0	0		
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công	0			
10	Thu từ hoạt động xổ số	70	21	29,3	112,0

11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển	280	15	5,2	54,3
12	Thu hồi vốn, thu cơ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước	16	0	0,0	
-	<i>Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế</i>	0			
-	<i>Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước</i>	0			
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	4	0,2	5,9	104,8
14	Thu khác ngân sách	518	132	25,5	28,7
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>	0			
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>2.400</b>	<b>596</b>	<b>24,8</b>	<b>135,2</b>
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	0			
2	Thuế xuất khẩu	0			
3	Thuế nhập khẩu	0			
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu	0			
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	0			
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu	0			
7	Thuế khác	0			
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>	<b>0</b>			
<b>B</b>	<b>Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác</b>	<b>0</b>			
1	Thuế GTGT	0			
2	Thuế TTĐB	0			
3	Hoàn các khoản thu khác	0			
<b>C</b>	<b>THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>14.609</b>	<b>4.261</b>	<b>29</b>	<b>115</b>
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	221	2.396	1.083	115
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)	0			
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	7.114	1.864	26	115



